

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HS-ST
Ngày 10-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Thiệu Khắc Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh ngày 08/7/2000 tại xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Đ1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

2. Lê Viết Đ, sinh ngày 29/4/1994 tại xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn L, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Viết H, sinh năm 1966 và bà Trương Thị T2, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 04 tiền án

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2011/HS-ST ngày 15/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” .

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2013/HSST ngày 21/01/2013 TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ chưa chấp hành của bản án số 14/2011/HSST ngày 15/11/2011 của TAND huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa thành 12 tháng tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2013/HSST ngày 31/3/2013 TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2015/HSST ngày 28/01/2015 TAND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 54 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/5/2020 đến ngày 17/5/2020 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

3. Đỗ Quang H, sinh ngày 15/11/1998 tại xã T3, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã T3, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Quang L1, sinh năm 1968 và bà Thiệu Thị Đ2, sinh năm 1969; có vợ là Lê Thị L2; chưa có con;

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Ngày 13/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

Bị hại:

- Anh Lê Văn M, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

- Anh Trần Đăng T5, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Thiệu Thị Đ2, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T3, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T ở thôn L, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa có quen biết vợ chồng anh Lê Văn M và chị Nguyễn Thị T4 là người cùng thôn với T. T biết được thông tin anh M, chị T4 đi làm ăn xa, không có người trông nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T rủ Lê Viết Đ là người cùng thôn với T đi trộm cắp nhưng Đ không đồng ý. Đến ngày 30/3/2020 T tiếp tục rủ Đ về N để trộm cắp tài sản, Đ

đồng ý và cả 2 cùng về N. Đ điện thoại cho Đỗ Quang H ở thôn B, xã T3, huyện N bảo H mua 2 đôi găng tay và 1 ổ khóa cửa. Đến ngày 01/4/2020 Đ dùng xe mô tô BKS 36B2- 22.678 mượn của anh Trần Đăng T5 ở thôn C, xã T1 chở T từ huyện T6 về xã T3, huyện N. Đến nơi Đ gọi điện cho H ra đón. Do H đang chơi ở thị trấn N nên H nhờ Đ3 đón Đ và T về nhà Đ3, lúc sau H về nhà Đ3 đón Đ và T về nhà H. Tại nhà H, Đ bảo H chuẩn bị 1 thanh sắt để cạy cửa, H tìm trong bếp thấy có 1 thanh sắt Phi 16 dài khoảng 44cm đưa cho Đ.

Đến khoảng 0 giờ ngày 02/4/2020 cả 3 đi đến nhà chị T4 bằng xe mô tô Wave Alpha BKS 36B4-210.62 của anh Đỗ Văn T7 (anh trai H). Đi đến đầu làng Đ bảo H dừng xe để lấy găng tay và ổ khóa, sau đó cả 3 tiếp tục đi tiếp đến gần nhà chị T4. H điều khiển xe đi chậm cho Đ và T nhảy xuống, còn H đứng chờ ngoài ngã ba. T và Đ trèo tường vào nhà, Đ dùng thanh sắt mang theo cạy khóa cửa và vứt ổ khóa ở gốc cây na trước hiên nhà chị T4. T vào trong nhà lấy được 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy J2 màu hồng ở túi áo treo trên tường, 01 ti vi SAMSUNG 48 inch; 01 âm ly. Trong lúc tháo âm ly, T có đưa điện thoại Iphone 5S cho Đ soi đèn Flash để cho T tháo. Tháo xong T ôm ti vi, âm ly để ở bờ tường rồi quay lại dùng ổ khóa đã mua từ trước khóa cửa lại. Đ và T đem tài sản trộm cắp được lại chỗ H và cả 3 cùng đem tài sản đi về. Đi đến đoạn cầu Châm xã T1, Đ vứt 2 đôi găng tay xuống cầu và về nhà H ngủ. Sau khi ngủ dậy T và H chở ti vi đi bán, nhưng do ti vi bị cháy màn hình nên không bán được, cả 2 lại đem ti vi về nhà H. T và Đ dùng xe mô tô Exciter đi về huyện T6, trên đường đi T đã ném chìa khóa dùng để khóa cửa nhà chị T4.

*** Bị hại báo cáo:** Trưa ngày 01/5/2020 anh M và chị T4 đi làm về phát hiện bị mất trộm tài sản gồm: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2 màu hồng; 01 ti vi SAMSUNG màn hình phẳng màu đen 48 inch; 01 âm ly nhãn hiệu Jarugaer màu đen nên đã báo cáo Công an. Ngày 17/5/2020 chị T4 đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất. Đối với chiếc ti vi SAMSUNG 48inch, quá trình vận chuyển từ nhà chị T4 về nhà H do trời mưa, ti vi bị ngâm nước nên đã cháy màn hình. Các bị cáo đã chủ động bồi thường cho chị T4 giá trị ti vi là 3.000.000đ, chị T4 đã nhận đủ và không có yêu cầu gì thêm.

- Ngày 01/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 1 khóa chữ U bằng kim loại màu vàng có dòng chữ XTIGER.

- Ngày 04/5/2020 Lê Văn T đến Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đến ngày 13/5/2020 T đến Công an huyện Nông Cống giao nộp 1 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng có số 0395.724.281.

- Ngày 08/5/2020 Đỗ Quang H đến Công an huyện Nông Cống đầu thú và giao nộp gồm: 01 ti vi SAMSUNG màn hình phẳng màu đen 48 inch; 01 âm ly nhãn hiệu Jarugaer; 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J2 màu hồng nhạt. Đến ngày 11/5/2020, H đến giao nộp tiếp 1 thanh sắt dài 44cm (phi 16) đã rỉ, cũ; 1 điện thoại di động NOKIA có số Sim 0932.313.542 dùng để liên lạc với Đức; 1 xe mô tô Wave màu xanh đen bạc BKS 36B4-210.62.

- Ngày 11/5/2020 Lê Viết Đ đến Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Ngày 13/5/2020 chị Trương Thị N1 là mẹ đẻ Lê Viết Đ đến giao nộp 1 xe mô tô YAMAHA EXCITER màu xanh trắng BKS 36B2-226.78; 1 điện thoại NOKIA 105 bàn phím nổi có số sim 0395927351.

*** Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống kết luận:**

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2 màu hồng trị giá 800.000đ.

- 01 ti vi SAMSUNG màn hình phẳng màu đen 48 inch trị giá 5.500.000đ.

- 01 âm ly nhãn hiệu Jarugaer màu đen trị giá 1.400.000đ.

Tổng giá trị tài sản 7.700.000đ.

*** Vật chứng vụ án gồm:**

- 1 thanh sắt dài 44cm (phi 16) đã rỉ, cũ;

- 1 điện thoại di động bàn phím nổi nhãn hiệu NOKIA có số Sim 0932.313.542;

- 01 điện thoại NOKIA 105 bàn phím nổi có số sim 0395927351;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng có số sim 0395724281.

- 1 khóa chữ U bằng kim loại màu vàng có dòng chữ XTIGER.

Toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục THADS huyện Nông Cống ngày 21/8/2020.

Ngày 16/7/2020 chị T4 giao nộp cho Công an huyện Nông Cống 01 ổ khóa Việt Tiệp màu đen, chị nhặt được ở gốc cây trước nhà. Sau khi xác minh, ngày 18/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho chị T4.

Đối với 2 đôi găng tay và chìa khóa T dùng để khóa cửa nhà chị T4, các đối tượng đã rút, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Đối với chiếc xe mô tô WAVE màu xanh đen bạc BKS 36B4-210.62, H chở Đ và T về nhà H là xe thuộc sở hữu của anh Đỗ Văn T7 (anh trai H). Hiện anh T7 đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên anh đã giao cho bà Thiệu Thị Đ2 (mẹ đẻ) quản lý. Bà Đ2 không biết việc H dùng xe đi trộm cắp tài sản nên ngày 19/6/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho bà Đ2.

Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA EXCITER màu xanh trắng BKS 36B2-226.78 là xe thuộc sở hữu của anh Trần Đăng T5. Anh T5 cho Đ mượn, anh T5 không biết việc Đ dùng xe đi trộm cắp tài sản nên ngày 08/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho anh T5.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 19/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố các bị cáo Lê Văn T và Đỗ Quang H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Viết Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; bị cáo H từ 7 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Đ từ 30 đến 36 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét; về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 1 thanh sắt dài 44cm (phi 16) đã rỉ, cũ và 1 khóa chữ U bằng kim loại màu vàng có dòng chữ XTIGER; đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động bàn phím nổi nhãn hiệu NOKIA có số Sim 0932.313.542; 01 điện thoại NOKIA 105 bàn phím nổi có số sim 0395927351; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng có số sim 0395724281; về án phí các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, hứa sửa chữa, không tái phạm, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong phạm vi những nội dung Tòa án xét là hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng vật chứng vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 0 giờ ngày 02/4/2020 tại nhà anh Lê Văn M, chị Nguyễn Thị T4 thôn L, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa các bị cáo Lê Văn T, Lê Viết Đ, Đỗ Quang H do biết thông tin anh M, chị T4 đi làm ăn xa, không có người trông coi nhà nên đã có hành vi lén lút dùng thanh sắt phá ổ khóa đột nhập vào nhà anh M, chị T4 trộm cắp tài sản gồm: 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy J2 màu hồng, 01 tivi SAMSUNG 48 inch 01 âm ly. Tài sản mà các bị cáo trộm cắp đã được HĐĐGTS huyện Nông Công định giá là 7.700.000đ thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tuy nhiên đối với bị cáo Lê Văn Đ trước khi phạm tội lần này đã 4 lần bị kết án chưa được xóa án tích, do đó bị cáo

Đ lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố bị cáo T, bị cáo H về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS; bị cáo Lê Văn Đức theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò đồng phạm: Các bị cáo thực hiện tội phạm với hình thức đồng phạm giản đơn, có thông mưu trước. Bị cáo T là người khởi xướng, xếp vai trò thứ nhất; bị cáo Đ sau khi được bị cáo T rủ đã đồng ý và tiếp tục rủ bị cáo H phạm tội xếp vai trò thứ hai; bị cáo H là người thực hành xếp vai trò thứ ba trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị T và bị cáo H có chung tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Bị cáo Đ có các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; về nhân thân: Bị cáo T và bị cáo H là người có nhân thân tốt; bị cáo Đ đã nhiều lần bị kết án chưa được xóa án tích là người có nhân thân xấu.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và để đáp ứng nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn hiện nay nhất là nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản góp phần ổn định địa bàn dân cư; HĐXX xét thấy đối với bị cáo T và bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS; đối với bị cáo Đ là đồng phạm với các bị cáo T, H về tội trộm cắp tài sản giá trị tài sản trộm cắp 7.700.000đ thuộc định lượng quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tuy nhiên trước khi phạm tội lần này bị cáo đã 4 lần bị kết án chưa được xóa án tích thuộc trường hợp định khung tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện cải tạo, lao động nghiêm khắc theo quy chế trại giam để cải tạo bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe giáo dục phòng ngừa chung là phù hợp với quy định tại Điều 38 BLHS.

Tuy nhiên khi lượng hình và quyết định hình phạt cần phải xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước.

[7] Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1 thanh sắt dài 44cm (phi 16) đã rỉ, cũ và 1 khóa chữ U bằng kim loại màu vàng có dòng chữ XTIGER; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động liên quan đến tội phạm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Lê Viết Đ, Đỗ Quang H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Viết Đ 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày tạm giữ (11/5/2020).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 8 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/9/2020).

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang H 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/9/2020).

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã T1; bị cáo Đỗ Quang H cho UBND xã T3, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1 thanh sắt dài 44cm (phi 16) đã rỉ, cũ và 1 khóa chữ U bằng kim loại màu vàng có dòng chữ XTIGER; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động bàn phím nổi nhãn hiệu NOKIA có số Sim 0932.313.542; 01 điện thoại NOKIA 105 bàn phím nổi có số sim 0395927351; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng có số sim 0395724281 theo

biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2020 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000đ án phí HSST.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại chỉ T4 có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ, văn thư;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình